

Bình Định, ngày 02 tháng 03 năm 2021

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH NĂM 2020

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Bình Định công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách năm 2020 như sau:

ĐV tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí	11.415	11.351	99	153
1.1	Lệ phí	500	739,79	148	152
	Lệ phí cấp giấy chứng nhận QSDĐ, QSH nhà ở	500	739,79	148	152
1.2	Phí	10.915	10.612	363	151,62
	Phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	7.450	7.525,20	101	185
	Phí giao dịch bảo đảm	3.375	3.003,17	89	104
	Phí khai thác và sử dụng thông tin đất đai	60	62,71	105	112
	Phí khai thác, sử dụng thông tin dữ liệu đo đạc và bản đồ	30	20,54	68	210
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	10.167	9.519,2129	94	344
1	Chi sự nghiệp kinh tế	10.167	9.519,2129	94	344
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	10.167	9.519,2129	94	251
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	1.198,000	1.832,198	310	67
1	Lệ phí	450	739,79	164	152
	Lệ phí cấp giấy chứng nhận QSDĐ, QSH nhà ở	450	739,79	164	152

2	Phí	748,000	1.092,41	146	29
	Phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	465	752,52	162	37
	Phí giao dịch bảo đảm	258	300,317	116	26
	Phí khai thác và sử dụng thông tin đất đai	10	31,355	314	112
	Phí khai thác, sử dụng thông tin dữ liệu đo đạc và bản đồ	15	8,216	55	211
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	3.758,322	3.623,139	96	38
I	Nguồn ngân sách trong nước	3.758,322	3.623,139	96	38
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở				
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng				
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
5	Chi bảo đảm xã hội				
6	Chi hoạt động kinh tế	3.758	3.623,139	96,40	38
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	3.758	3.623,139	96,40	38
	Kinh phí thực hiện tự chủ				
	Kinh phí thực hiện không tự chủ	3.758	3.623,139	96	578
	Hỗ trợ kinh phí thực hiện nhiệm vụ quản lý, lưu trữ thông tin, tư liệu đất đai	1.009	1.001,7		
	Chi phục vụ phí, lệ phí	200	200		
	Triển khai thu thập dữ liệu tài nguyên và môi trường tỉnh BĐ	122	100,73		
	Bảo trì, cập nhật, nhuận bút trang điện tử	34	31,585		
	Xây dựng các phần mềm/ cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh	99	71,987		
	Sửa chữa nhà làm việc	1.148,682	1.135,010		
	Mua sắm tài sản, máy móc thiết bị	711	711		
	Mua sắm phần mềm quản lý tài sản	9	8		
	Đo đạc các thửa đất theo yêu cầu sở tài chính	16,24	13,884		
	Kinh phí của TTKT nhập sang	9,40	0,000		

	Kiểm kê đất đai năm 2019	400	349,219		
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
II	Nguồn vốn viện trợ				
1	Chi quản lý hành chính				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
5	Chi bảo đảm xã hội				
6	Chi hoạt động kinh tế				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
III	Nguồn vay nợ nước ngoài				
1	Chi quản lý hành chính				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
5	Chi bảo đảm xã hội				
6	Chi hoạt động kinh tế				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				



Bình Định, Ngày 03 tháng 03 năm 2024

KT GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Phạm Thị Hồng Hà

